

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STP-PBGDPL

Quảng Ngãi, ngày tháng 10 năm 2025

V/v báo cáo tình hình thực hiện
Luật Tiếp cận thông tin, bảo đảm
quyền tiếp cận thông tin của công
dân năm 2025

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu Lý Sơn.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4040/UBND-KTTH ngày 29/10/2025 về việc chuẩn bị các nội dung cần thiết để trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 trong đó có “*Báo cáo tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân trên địa bàn tỉnh năm 2025*”; với vai trò, nhiệm vụ là cơ quan theo dõi việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh, đồng thời để có cơ sở tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo nội dung nêu trên, Sở Tư pháp đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu Lý Sơn thực hiện báo cáo tình hình thực hiện Luật Tiếp cận thông tin và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân năm 2025 theo lĩnh vực, địa bàn quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương mình (*theo đề cương báo cáo kèm theo*).

Báo cáo của các đơn vị, địa phương đề nghị gửi về Sở Tư pháp ***trước ngày 07/11/2025*** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định. (*Riêng báo cáo của các đơn vị cấp xã mới thành lập sau ngày 01/7/2025 có trách nhiệm tổng hợp số liệu, tình hình thực hiện của các đơn vị cấp xã cũ trước khi sáp nhập trên địa bàn*).

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở (p/h báo cáo);
- Lưu: VT, PBGDPL_{NTĐ}.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vương Văn Tuyên

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN,
BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN CỦA CÔNG DÂN NĂM 2025
 (Số liệu từ ngày 30/10/2024 đến ngày 30/10/2025)
 (Kèm theo Công văn số /STP-PBGDPL ngày .../10/2025 của Sở Tư pháp)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Việc tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP *(nêu rõ số lượng và các hình thức tuyên truyền, phổ biến)*.
2. Việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện các quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP theo thẩm quyền.
3. Kết quả tập huấn, nâng cao trình độ, kỹ năng cung cấp thông tin cho người làm đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương mình *(hình thức, số lượng tập huấn)*.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả chung

- 1.1. Về các thông tin được công khai *(số liệu cụ thể về các loại thông tin được công khai, hình thức, thời điểm công khai...)*; việc lập, cập nhật và công khai Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện *(thời điểm lập, mức độ cập nhật)*.
- 1.2. Về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu, cung cấp thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện *(số lượng yêu cầu, hình thức yêu cầu, hình thức cung cấp thông tin, thời gian cung cấp thông tin, việc rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin,...)*.
- 1.3. Về việc bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp cận thông tin *(như bố trí nơi tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin; kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu...)*.
- 1.4. Việc thực hiện Quy chế nội bộ cung cấp thông tin, việc bố trí cán bộ đầu mối, nguồn nhân lực bảo đảm phục vụ công tác tiếp cận thông tin; việc lập Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu; việc vận hành và duy trì Chuyên mục về tiếp cận thông tin trên Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tiếp cận thông tin của cơ quan, địa phương.
- 1.5. Về việc thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin *(nêu cụ thể các hình thức cung cấp thông tin phù hợp với các đối tượng và điều kiện tại các khu vực này; việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang*

thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin tại các khu vực này...).

1.6. Về chi phí tiếp cận thông tin (*việc tuân thủ các quy định pháp luật về chi phí tiếp cận thông tin; ban hành văn bản hướng dẫn (nếu có...)*).

1.7. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện tiếp cận thông tin (*số lượng khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và kết quả giải quyết (nếu có)*) và việc xử lý vi phạm (*nếu có*).

1.8. Các biện pháp đã thực hiện để giải quyết khó khăn, vướng mắc đã nêu tại Báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Kết quả cụ thể

2.1. Tổng số yêu cầu cung cấp thông tin:

2.2. Tổng số thông tin được cung cấp theo yêu cầu:

Trong đó nêu cụ thể:

a) Theo lĩnh vực: Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực đất đai, y tế, giáo dục, xây dựng, nhà ở, đầu tư, kinh doanh, tài chính, ngân sách, tài nguyên, môi trường, khoa học, công nghệ; tư pháp, nội vụ, lĩnh vực khác...

b) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin được giải quyết theo Luật Tiếp cận thông tin:

c) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin được giải quyết theo pháp luật chuyên ngành:

d) Hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu (*ghi rõ số lượng*)

- Cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin:

- Cung cấp thông tin qua mạng điện tử:

- Cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax:

2.3. Số lượng yêu cầu bị từ chối cung cấp thông tin:

Lý do từ chối:

2.4. Việc bảo đảm thời hạn giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin.

2.5. Việc xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác (*nếu có*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

2. Khó khăn, vướng mắc

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ
